

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: 71ACCT20023

Tên học phần: Nguyên lý kế toán

Mã nhóm lớp học phần: 231_71ACCT20023_01,02,03,04

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút (bao gồm cả thời gian nộp bài)

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có

Không

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- SV chỉ được sử dụng tài liệu giấy;

Format đề thi:

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)

Câu 1: (random 1 trong 4 câu)

Câu 1a:

Trong kỳ kế toán năm N, tổng tài sản giảm 90.000.000 đồng, tổng nợ phải trả tăng 40.000.000 đồng. Vậy tổng vốn chủ sở hữu trong năm N thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 130.000.000 đồng
- B. Giảm 50.000.000 đồng
- C. Giảm 90.000.000 đồng
- D. Tăng 50.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1b:

Trong kỳ kế toán năm N, tổng tài sản giảm 175.000.000 đồng, tổng nợ phải trả tăng 60.000.000 đồng. Vậy tổng vốn chủ sở hữu trong năm N thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 235.000.000 đồng
- B. Giảm 115.000.000 đồng
- C. Giảm 175.000.000 đồng
- D. Tăng 115.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1c:

Trong kỳ kế toán năm N, tổng nợ phải trả giảm 175.000.000 đồng, tổng vốn chủ sở hữu tăng 80.000.000 đồng. Vậy tổng tài sản trong năm N thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 95.000.000 đồng
- B. Tăng 95.000.000 đồng
- C. Giảm 175.000.000 đồng
- D. Tăng 255.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 1d:

Trong kỳ kế toán năm N, tổng nợ phải trả giảm 95.000.000 đồng, tổng vốn chủ sở hữu tăng 30.000.000 đồng. Vậy tổng tài sản trong năm N thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 65.000.000 đồng
- B. Giảm 125.000.000 đồng
- C. Tăng 65.000.000 đồng
- D. Tăng 125.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2: (random 1 trong 4 câu)

Câu 2a:

Nghiệp vụ “Mua một máy phát điện giá 150.000.000 đồng sử dụng tại bộ phận văn phòng chưa thanh toán” sẽ làm cho:

- A. Tổng tài sản và nguồn vốn cùng tăng 150.000.000 đồng
- B. Tổng tài sản và nguồn vốn không đổi
- C. Tổng tài sản tăng 150.000.000 đồng, tổng nguồn vốn giảm 150.000.000 đồng
- D. Phải trả người bán tăng 150.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 150.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2b:

Nghiệp vụ “Chi tiền mặt mua 10 lốc giấy A4 với giá 80.000 đồng/lốc sử dụng ngay tại bộ phận văn phòng trong tháng” sẽ làm cho:

- A. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng giảm 800.000 đồng
- B. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn không đổi
- C. Phần nguồn vốn trên phương trình kế toán sẽ không bị ảnh hưởng
- D. Chỉ ảnh hưởng bên phần tài sản trên phương trình kế toán

ANSWER: A

Câu 2c:

Nghiệp vụ “Chi tiền mặt mua 10 lốc giấy A4 với giá 80.000 đồng/lốc nhập kho” sẽ làm cho:

- A. Chỉ ảnh hưởng bên phần tài sản trên phương trình kế toán
- B. Chi phí tăng 800.000 đồng và tài sản giảm 800.000 đồng
- C. Tổng tài sản giảm 800.000 đồng nhưng nguồn vốn không đổi
- D. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng giảm 800.000 đồng

ANSWER: A

Câu 2d:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản mua một máy phát điện giá 150.000.000 đồng sử dụng tại bộ phận văn phòng” sẽ làm cho:

- A. Tổng tài sản và nguồn vốn không đổi
- B. Tổng số dư tài sản và nguồn vốn cùng tăng 150.000.000 đồng
- C. Tổng tài sản giảm 150.000.000 đồng, tổng nguồn vốn tăng 150.000.000 đồng
- D. Phải trả người bán tăng 150.000.000 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 150.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3: (random 1 trong 4 câu)

Câu 3a:

Ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm ảnh hưởng đến tài sản và nguồn vốn là trách nhiệm của lĩnh vực kế toán nào?

- A. Kế toán tài chính
- B. Kế toán quản trị
- C. Kế toán thuế
- D. Kiểm toán

ANSWER: A

Câu 3b:

Lập kế hoạch dự trữ tiền mặt cho kỳ kinh doanh sắp tới là trách nhiệm của lĩnh vực kế toán nào?

- A. Kế toán quản trị
- B. Kế toán tài chính
- C. Kế toán thuế

D. Kiểm toán

ANSWER: A

Câu 3c:

Quyết toán và nộp các khoản thuế cho nhà nước là trách nhiệm của lĩnh vực kế toán nào?

A. Kế toán thuế

B. Kế toán tài chính

C. Kế toán quản trị

D. Kiểm toán

ANSWER: A

Câu 3d:

Kiểm kê tài sản để đảm bảo độ tin cậy của thông tin kế toán mà doanh nghiệp báo cáo là trách nhiệm của lĩnh vực kế toán nào?

A. Kiểm toán

B. Kế toán tài chính

C. Kế toán quản trị

D. Kế toán thuế

ANSWER: A

Câu 4: (random 1 trong 4 câu)

Câu 4a:

Các đối tượng nào sau đây không thể tiếp cận được với thông tin trên báo cáo kế toán quản trị:

A. Nhà đầu tư, Kiểm toán viên độc lập

B. Giám đốc, Trưởng phòng kinh doanh

C. Kiểm toán viên nội bộ, Kiểm soát viên

D. Trưởng phòng kế toán, Quản lý bán hàng

ANSWER: A

Câu 4b:

Phát biểu nào sau đây ĐÚNG khi đề cập đến Kế toán quản trị:

- A. Kế toán quản trị của từng doanh nghiệp sẽ khác nhau tùy thuộc vào yêu cầu của nhà quản lý
- B. Kế toán quản trị bắt buộc phải tuân thủ theo Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành
- C. Chức năng truyền đạt thông tin của kế toán quản trị nhằm cung cấp cho tất cả các đối tượng sử dụng bên trong lẫn bên ngoài doanh nghiệp
- D. Chức năng chính của kế toán quản trị là ghi chép và báo cáo lại tất cả các sự kiện tác động đến tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu 4c:

Phát biểu nào sau đây SAI khi đề cập đến Kế toán tài chính:

- A. Kiểm soát tốt các chi phí phát sinh để tối đa hóa lợi nhuận là trách nhiệm của kế toán tài chính
- B. Báo cáo tài chính chủ yếu cung cấp thông tin cho các đối tượng bên ngoài để ra quyết định
- C. Chức năng chủ yếu của kế toán tài chính là ghi chép và báo cáo lại tất cả các sự kiện tác động đến tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp
- D. Kế toán tài chính buộc phải tuân thủ theo Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành

ANSWER: A

Câu 4d:

Chọn phát biểu SAI:

- A. Báo cáo kế toán quản trị có tính pháp lý cao hơn so với báo cáo tài chính
- B. Kế toán tài chính buộc phải tuân thủ theo Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành
- C. Kế toán tài chính chủ yếu cung cấp thông tin cho những người bên ngoài doanh nghiệp
- D. Kiểm soát tốt các chi phí phát sinh để tối đa hóa lợi nhuận là trách nhiệm của kế toán quản trị

ANSWER: A

Câu 5: (random 1 trong 4 câu)

Câu 5a:

Tình hình kinh doanh công ty PPT trong năm N như sau:

+ Tổng doanh thu bán hàng: 7.500.000.000 đồng

- + Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 2.600.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 1.225.000.000 đồng
- + Chiết khấu do khách hàng mua số lượng lớn trong năm: 70.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp: 2.880.000.000 đồng
- + Tổng chi phí lãi vay năm N phải trả cho ngân hàng ACB: 600.000.000 đồng

Biết năm N, công ty vẫn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Vậy tổng lợi nhuận kế toán sau thuế bằng bao nhiêu?

- A. 125.000.000 đồng
- B. 1.325.000.000 đồng
- C. 265.000.000 đồng
- D. 1.465.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5b:

Tình hình kinh doanh công ty T trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 7.500.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 2.600.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 1.225.000.000 đồng
- + Chiết khấu do khách hàng mua số lượng lớn trong năm: 70.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp: 2.880.000.000 đồng
- + Tổng lãi thu được từ khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng ACB: 600.000.000 đồng

Biết năm N, công ty vẫn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Vậy tổng lợi nhuận kế toán sau thuế bằng bao nhiêu?

- A. 1.325.000.000 đồng
- B. 125.000.000 đồng
- C. 265.000.000 đồng
- D. 1.465.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5c:

Tình hình kinh doanh công ty T trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 7.500.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 2.600.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 1.225.000.000 đồng

- + Khoản thu bồi thường trong năm N: 70.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp: 2.880.000.000 đồng
- + Tổng lãi thu được từ khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng ACB: 600.000.000 đồng

Biết năm N, công ty vẫn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Vậy tổng lợi nhuận kế toán sau thuế bằng bao nhiêu?

- A. 1.465.000.000 đồng
- B. 125.000.000 đồng
- C. 265.000.000 đồng
- D. 1.325.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5d:

Tình hình kinh doanh công ty T trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 7.500.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 2.600.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 1.225.000.000 đồng
- + Khoản thu bồi thường trong năm N: 70.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp: 2.880.000.000 đồng
- + Tổng chi phí lãi vay năm N phải trả cho ngân hàng ACB: 600.000.000 đồng

Biết năm N, công ty vẫn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Vậy tổng lợi nhuận kế toán sau thuế bằng bao nhiêu?

- A. 265.000.000 đồng
- B. 125.000.000 đồng
- C. 1.325.000.000 đồng
- D. 1.465.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6: (random 1 trong 4 câu)

Câu 6a:

Khoản tiền rạp chiếu phim CGV thu được từ việc bán vé xem phim được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- B. Doanh thu hoạt động tài chính

- C. Thu nhập khác
- D. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

ANSWER: A

Câu 6b:

Khoản tiền mà rạp chiếu phim CGV chi trả lãi vay trong kỳ cho ngân hàng được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Chi phí tài chính
- B. Chi phí khác
- C. Doanh thu hoạt động tài chính
- D. Thu nhập khác

ANSWER: A

Câu 6c:

Khoản tiền mà rạp chiếu phim CGV chi trả lương cho nhân viên bán vé được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Chi phí bán hàng
- B. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- C. Chi phí khác
- D. Chi phí tài chính

ANSWER: A

Câu 6d:

Khoản tiền lãi mà rạp chiếu phim CGV thu được nhờ khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Doanh thu hoạt động tài chính
- B. Chi phí khác
- C. Chi phí tài chính
- D. Thu nhập khác

ANSWER: A

Câu 7: (random 1 trong 4 câu)

Câu 7a:

“Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán” được sử dụng để ghi nhận:

- A.** Trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra
- B.** Tổng giá bán của hàng hóa bán ra
- C.** Tổng số tiền chi trả để phục vụ cho công tác bán hàng
- D.** Tổng chi phí phát sinh tại cửa hàng

ANSWER: A

Câu 7b:

“Tài khoản 641- Chi phí bán hàng” không được sử dụng để ghi nhận:

- A.** Trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra
- B.** Chi phí điện nước tại bộ phận bán hàng
- C.** Tiền lương trả cho nhân viên bán hàng
- D.** Chi phí sử dụng công cụ tại cửa hàng

ANSWER: A

Câu 7c:

“Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp” được sử dụng để ghi nhận:

- A.** Tiền lương trả cho nhân viên kế toán
- B.** Chi phí điện nước tại cửa hàng
- C.** Trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra
- D.** Khấu hao xe tải dùng để giao hàng

ANSWER: A

Câu 7d:

“Tài khoản 711- Thu nhập khác” không được sử dụng để ghi nhận:

- A.** Một khoản cổ tức nhận được từ việc đầu tư chứng khoán
- B.** Một khoản thu bồi thường từ đối tác
- C.** Một khoản thu do thanh lý tài sản cố định
- D.** Một khoản thu do được biếu tặng

ANSWER: A

Câu 8: (random 1 trong 4 câu)**Câu 8a:****Tình hình tài chính của công ty BnB đầu năm N như sau:**

<u>Tiền gửi ngân hàng 3.100.000.000 đồng</u>	<u>Phải trả người lao động 600.000.000 đồng</u>
<u>Thành phẩm 120.000.000 đồng</u>	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi 120.000.000 đồng</u>
<u>Nguyên vật liệu 70.000.000 đồng</u>	<u>Vốn góp chủ sở hữu 2.000.000.000 đồng</u>
<u>Nguyên giá TSCĐ 900.000.000 đồng</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.250.000.000 đồng</u>
<u>Hao mòn TSCĐ 220.000.000 đồng</u>	

Tổng tài sản của công ty vào đầu năm N bằng bao nhiêu?

- A. 3.970.000.000 đồng
- B. 4.190.000.000 đồng
- C. 4.410.000.000 đồng
- D. 3.250.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8b:**Tình hình tài chính của công ty BnB đầu năm N như sau:**

<u>Tiền gửi ngân hàng 3.100.000.000 đồng</u>	<u>Phải trả người lao động 600.000.000 đồng</u>
<u>Thành phẩm 120.000.000 đồng</u>	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi 120.000.000 đồng</u>
<u>Nguyên vật liệu 70.000.000 đồng</u>	<u>Vốn góp chủ sở hữu 2.000.000.000 đồng</u>
<u>Nguyên giá TSCĐ 900.000.000 đồng</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.250.000.000 đồng</u>
<u>Hao mòn TSCĐ 220.000.000 đồng</u>	

Tổng vốn chủ sở hữu của công ty vào đầu năm N bằng bao nhiêu?

- A. 3.250.000.000 đồng
- B. 3.970.000.000 đồng
- C. 3.370.000.000 đồng
- D. 2.000.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8c:**Tình hình tài chính của công ty BnB đầu năm N như sau:**

<u>Tiền gửi ngân hàng 3.100.000.000 đồng</u>	<u>Phải trả người lao động 600.000.000 đồng</u>
<u>Thành phẩm 120.000.000 đồng</u>	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi 120.000.000 đồng</u>
<u>Nguyên vật liệu 70.000.000 đồng</u>	<u>Vốn góp chủ sở hữu 2.000.000.000 đồng</u>
<u>Nguyên giá TSCĐ 900.000.000 đồng</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.250.000.000 đồng</u>
<u>Hao mòn TSCĐ 220.000.000 đồng</u>	

Tổng nợ phải trả của công ty vào đầu năm N bằng bao nhiêu?

- A. 720.000.000 đồng
- B. 600.000.000 đồng
- C. 3.970.000.000 đồng
- D. 1.970.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8d:**Tình hình tài chính của công ty BnB đầu năm N như sau:**

<u>Tiền gửi ngân hàng 3.100.000.000 đồng</u>	<u>Phải trả người lao động 600.000.000 đồng</u>
<u>Thành phẩm 120.000.000 đồng</u>	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi 120.000.000 đồng</u>
<u>Nguyên vật liệu 70.000.000 đồng</u>	<u>Vốn góp chủ sở hữu 2.000.000.000 đồng</u>
<u>Nguyên giá TSCĐ 900.000.000 đồng</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.250.000.000 đồng</u>
<u>Hao mòn TSCĐ 220.000.000 đồng</u>	

Tổng tài sản ngắn hạn của công ty vào đầu năm N bằng bao nhiêu?

- A. 3.290.000.000 đồng
- B. 3.970.000.000 đồng
- C. 4.190.000.000 đồng
- D. 4.410.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 9: (random 1 trong 4 câu)

Câu 9a:

Nghiệp vụ “Nhận được hóa đơn internet phát sinh tại bộ phận bán hàng tháng này chưa trả tiền” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 641/Có TK 331
- B. Nợ TK 811/Có TK 331
- C. Nợ TK 641/Có TK 112
- D. Nợ TK 811/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 9b:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán ngay cho hóa đơn internet phát sinh tại bộ phận bán hàng tháng này” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 641/Có TK 112
- B. Nợ TK 641/Có TK 331
- C. Nợ TK 811/Có TK 112
- D. Nợ TK 811/Có TK 331

ANSWER: A

Câu 9c:

Nghiệp vụ “Chi tiền mặt thanh toán cho hóa đơn internet tại bộ phận bán hàng tháng trước” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 331/Có TK 111
- B. Nợ TK 641/Có TK 111
- C. Nợ TK 811/Có TK 111
- D. Nợ TK 635/Có TK 111

ANSWER: A

Câu 9d:

Nghiệp vụ “Chi tiền mặt thanh toán ngay cho hóa đơn internet phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng này” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 642/Có TK 111
- B. Nợ TK 331/Có TK 111
- C. Nợ TK 811/Có TK 111
- D. Nợ TK 641/Có TK 111

Câu 10: (random 1 trong 4 câu)

Câu 10a:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán tiền mua công cụ dụng cụ đã nhập kho từ tháng trước” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 331/Có TK 112
- B. Nợ TK 153/Có TK 112
- C. Nợ TK 153/Có TK 331
- D. Nợ TK 112/Có TK 331

ANSWER: A

Câu 10b:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán tiền lương tháng trước cho nhân viên bán hàng” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 334/Có TK 112
- B. Nợ TK 641/Có TK 112
- C. Nợ TK 641/Có TK 334
- D. Nợ TK 334/Có TK 111

ANSWER: A

Câu 10c:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản thanh toán ngay cho hóa đơn dịch vụ quảng cáo sản phẩm trong tháng này” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 641/Có TK 112
- B. Nợ TK 331/Có TK 112
- C. Nợ TK 156/Có TK 112
- D. Nợ TK 811/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 10d:

Nghiệp vụ “Chuyển khoản mua tài sản cố định sử dụng ngay tại phòng Giám đốc tài chính” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 211/Có TK 112
- B. Nợ TK 642/Có TK 112
- C. Nợ TK 242/Có TK 112
- D. Nợ TK 331/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 11: (random 1 trong 4 câu)

Câu 11a:

Số dư đầu tháng 01/N của TK 156 – “Hàng hóa” bằng 200.000.000 đồng. Ngày 10/1, công ty mua chưa thanh toán lô hàng hóa trị giá 150.000.000 đồng và chuyển khoản mua lô hàng hóa khác trị giá 100.000.000 đồng vào ngày 15/1, tất cả hàng đã nhập kho đủ. Đồng thời trong tháng, công ty đã xuất bán $\frac{1}{2}$ lô hàng đầu kỳ và toàn bộ số hàng mua ngày 15/1. Số dư tại ngày 31/01/N của TK 156 là:

- A. Dư Nợ 250.000.000 đồng
- B. Dư Nợ 100.000.000 đồng
- C. Dư Nợ 175.000.000 đồng
- D. Dư Nợ 450.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11b:

Số dư đầu tháng 01/N của TK 156 – “Hàng hóa” bằng 200.000.000 đồng. Ngày 10/1, công ty mua chưa thanh toán lô hàng hóa trị giá 150.000.000 đồng và chuyển khoản mua lô hàng hóa khác trị giá 100.000.000 đồng vào ngày 15/1, tất cả hàng đã nhập kho đủ. Đồng thời trong tháng, công ty đã xuất bán toàn bộ lô hàng đầu kỳ và $\frac{1}{2}$ số hàng mua ngày 10/1. Số dư tại ngày 31/01/N của TK 156 là:

- A. Dư Nợ 175.000.000 đồng
- B. Dư Nợ 100.000.000 đồng

C. Dư Nợ 250.000.000 đồng

D. Dư Nợ 450.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11c:

Số dư đầu tháng 01/N của TK 156 – “Hàng hóa” bằng 200.000.000 đồng. Ngày 10/1, công ty mua chưa thanh toán lô hàng hóa trị giá 150.000.000 đồng và chuyển khoản mua lô hàng hóa khác trị giá 100.000.000 đồng vào ngày 15/1, tất cả hàng đã nhập kho đủ. Đồng thời trong tháng, công ty đã xuất bán toàn bộ lô hàng đầu kỳ và $\frac{1}{2}$ số hàng mua ngày 15/1. Số dư tại ngày 31/01/N của TK 156 là:

A. Dư Nợ 200.000.000 đồng

B. Dư Nợ 175.000.000 đồng

C. Dư Nợ 250.000.000 đồng

D. Dư Nợ 450.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11d:

Số dư đầu tháng 01/N của TK 156 – “Hàng hóa” bằng 200.000.000 đồng. Ngày 10/1, công ty mua chưa thanh toán lô hàng hóa trị giá 150.000.000 đồng và chuyển khoản mua lô hàng hóa khác trị giá 100.000.000 đồng vào ngày 15/1, tất cả hàng đã nhập kho đủ. Đồng thời trong tháng, công ty đã xuất bán $\frac{1}{2}$ lô hàng đầu kỳ và toàn bộ số hàng mua ngày 10/1. Số dư tại ngày 31/01/N của TK 156 là:

A. Dư Nợ 200.000.000 đồng

B. Dư Nợ 175.000.000 đồng

C. Dư Nợ 250.000.000 đồng

D. Dư Nợ 450.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 12: (random 1 trong 4 câu)

Câu 12a:

Ngày 5/12/N, công ty mua một lô nguyên vật liệu nhập kho với giá 30.000.000 đồng đã thanh toán 10.000.000 đồng bằng chuyển khoản, phần còn lại hẹn thanh toán vào ngày 10 tháng sau. Kế toán ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 152	30.000.000	
Có TK 112		10.000.000
Có TK 331		20.000.000
B. Nợ TK 152	10.000.000	
Có TK 112		10.000.000
C. Nợ TK 152	30.000.000	
Có TK 331		10.000.000
Có TK 112		20.000.000
D. Nợ TK 152	30.000.000	
Có TK 331		30.000.000

ANSWER: A

Câu 12b:

Ngày 5/12/N, công ty mua một lô nguyên vật liệu nhập kho với giá 30.000.000 đồng đã thanh toán 10.000.000 đồng bằng tiền mặt, phần còn lại hện thanh toán vào ngày 10 tháng sau. Kế toán ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 152	30.000.000	
Có TK 111		10.000.000
Có TK 331		20.000.000
B. Nợ TK 152	10.000.000	
Có TK 111		10.000.000
C. Nợ TK 152	30.000.000	
Có TK 331		10.000.000
Có TK 111		20.000.000
D. Nợ TK 152	30.000.000	
Có TK 331		30.000.000

ANSWER: A

Câu 12c:

Ngày 5/12/N, công ty mua một lô công cụ dụng cụ nhập kho với giá 30.000.000 đồng đã thanh toán 20.000.000 đồng bằng chuyển khoản, phần còn lại hện thanh toán vào ngày 10 tháng sau. Kế toán ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 153	30.000.000	
Có TK 112		20.000.000
Có TK 331		10.000.000
B. Nợ TK 153	20.000.000	
Có TK 112		20.000.000
C. Nợ TK 153	30.000.000	
Có TK 331		20.000.000
Có TK 112		10.000.000
D. Nợ TK 153	30.000.000	
Có TK 331		30.000.000

ANSWER: A

Câu 12d:

Ngày 5/12/N, công ty mua một lô hàng hóa nhập kho với giá 30.000.000 đồng đã thanh toán 20.000.000 đồng bằng tiền mặt, phần còn lại hện thanh toán vào ngày 10 tháng sau. Kế toán ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 156	30.000.000	
Có TK 111		20.000.000
Có TK 331		10.000.000
B. Nợ TK 156	20.000.000	
Có TK 111		20.000.000
C. Nợ TK 156	30.000.000	
Có TK 331		20.000.000
Có TK 111		10.000.000
D. Nợ TK 156	30.000.000	
Có TK 331		30.000.000

ANSWER: A

Câu 13: (random 1 trong 4 câu)**Câu 13a:**

Ngày 1/5/N, Công ty A mua một máy phát điện có nguyên giá 60.000.000 đồng sử dụng tại phòng Bán hàng, thời gian sử dụng ước tính 5 năm bắt đầu từ ngày 1/5/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

A. Nợ TK 641 8.000.000

Có TK 214 8.000.000

B. Nợ TK 641 1.000.000

Có TK 214 1.000.000

C. Nợ TK 641 8.000.000

Có TK 242 8.000.000

D. Nợ TK 641 1.000.000

Có TK 242 1.000.000

ANSWER: A

Câu 13b:

Ngày 1/6/N, Công ty A mua một máy phát điện có nguyên giá 60.000.000 đồng sử dụng tại phòng Bán hàng, thời gian sử dụng ước tính 5 năm bắt đầu từ ngày 1/6/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

A. Nợ TK 641 7.000.000

Có TK 214 7.000.000

B. Nợ TK 641 1.000.000

Có TK 214 1.000.000

C. Nợ TK 641 7.000.000

Có TK 242 7.000.000

D. Nợ TK 641 1.000.000

Có TK 242 1.000.000

ANSWER: A

Câu 13c:

Ngày 1/7/N, Công ty A mua một máy phát điện có nguyên giá 60.000.000 đồng sử dụng tại phòng Bán hàng, thời gian sử dụng ước tính 5 năm bắt đầu từ ngày 1/7/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 641 6.000.000
 Có TK 214 6.000.000
- B. Nợ TK 641 1.000.000
 Có TK 214 1.000.000
- C. Nợ TK 641 6.000.000
 Có TK 242 6.000.000
- D. Nợ TK 641 1.000.000
 Có TK 242 1.000.000

ANSWER: A

Câu 13d:

Ngày 1/8/N, Công ty A mua một máy phát điện có nguyên giá 60.000.000 đồng sử dụng tại phòng Bán hàng, thời gian sử dụng ước tính 5 năm bắt đầu từ ngày 1/8/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 641 5.000.000
 Có TK 214 5.000.000
- B. Nợ TK 641 1.000.000
 Có TK 214 1.000.000
- C. Nợ TK 641 5.000.000
 Có TK 242 5.000.000
- D. Nợ TK 641 1.000.000
 Có TK 242 1.000.000

ANSWER: A

Câu 14: (random 1 trong 4 câu)**Câu 14a:**

Ngày 1/10/N, trung tâm FingerMath thu trọn gói học phí cho khóa học 6 tháng (từ ngày 1/10/N đến hết ngày 31/3/N+1) là 180.000.000 đồng. Biết trung tâm áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 3387 90.000.000
 Có TK 511 90.000.000
- B. Nợ TK 3387 30.000.000
 Có TK 511 30.000.000
- C. Nợ TK 131 90.000.000
 Có TK 511 90.000.000
- D. Nợ TK 131 30.000.000
 Có TK 511 30.000.000

ANSWER: A

Câu 14b:

Ngày 1/11/N, trung tâm FingerMath thu trọn gói học phí cho khóa học 6 tháng (từ ngày 1/11/N đến hết ngày 30/4/N+1) là 180.000.000 đồng. Biết trung tâm áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 3387 60.000.000
 Có TK 511 60.000.000
- B. Nợ TK 3387 30.000.000
 Có TK 511 30.000.000
- C. Nợ TK 131 60.000.000
 Có TK 511 60.000.000
- D. Nợ TK 131 30.000.000
 Có TK 511 30.000.000

ANSWER: A

Câu 14c:

Ngày 1/9/N, trung tâm FingerMath thu trọn gói học phí cho khóa học 6 tháng (từ ngày 1/9/N đến hết ngày 28/2/N+1) là 180.000.000 đồng. Biết trung tâm áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

A. Nợ TK 3387	120.000.000	
Có TK 511		120.000.000
B. Nợ TK 3387	30.000.000	
Có TK 511		30.000.000
C. Nợ TK 131	120.000.000	
Có TK 511		120.000.000
D. Nợ TK 131	30.000.000	
Có TK 511		30.000.000

ANSWER: A

Câu 14d:

Ngày 1/8/N, Học viện FingerMath thu trọn gói học phí cho khóa học 6 tháng (từ ngày 1/8/N đến hết ngày 31/1/N+1) là 180.000.000 đồng. Biết học viện áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

A. Nợ TK 3387	150.000.000	
Có TK 511		150.000.000
B. Nợ TK 3387	30.000.000	
Có TK 511		30.000.000
C. Nợ TK 131	150.000.000	
Có TK 511		150.000.000
D. Nợ TK 131	30.000.000	
Có TK 511		30.000.000

ANSWER: A

Câu 15: (random 1 trong 4 câu)

Câu 15a:

Ngày 1/8/N, công ty M xuất kho một lô công cụ dụng cụ trị giá 15.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng ra sử dụng tại cửa hàng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

A. Nợ TK 641	6.250.000	
--------------	-----------	--

	Có TK 242	6.250.000
B.	Nợ TK 641	1.250.000
	Có TK 242	1.250.000
C.	Nợ TK 641	6.250.000
	Có TK 153	6.250.000
D.	Nợ TK 641	1.250.000
	Có TK 153	1.250.000

ANSWER: A

Câu 15b:

Ngày 1/9/N, công ty M xuất kho một lô công cụ dụng cụ trị giá 15.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng ra sử dụng tại cửa hàng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

A.	Nợ TK 641	5.000.000
	Có TK 242	5.000.000
B.	Nợ TK 641	1.250.000
	Có TK 242	1.250.000
C.	Nợ TK 641	5.000.000
	Có TK 153	5.000.000
D.	Nợ TK 641	1.250.000
	Có TK 153	1.250.000

ANSWER: A

Câu 15c:

Ngày 1/10/N, công ty M xuất kho một lô công cụ dụng cụ trị giá 15.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng ra sử dụng tại cửa hàng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

A.	Nợ TK 641	3.750.000
	Có TK 242	3.750.000
B.	Nợ TK 641	1.250.000

	Có TK 242	1.250.000
C.	Nợ TK 641	3.750.000
	Có TK 153	3.750.000
D.	Nợ TK 641	1.250.000
	Có TK 153	1.250.000

ANSWER: A

Câu 15d:

Ngày 1/11/N, công ty M xuất kho một lô công cụ dụng cụ trị giá 15.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng ra sử dụng tại cửa hàng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

A.	Nợ TK 641	2.500.000
	Có TK 242	2.500.000
B.	Nợ TK 641	1.250.000
	Có TK 242	1.250.000
C.	Nợ TK 641	2.500.000
	Có TK 153	2.500.000
D.	Nợ TK 641	1.250.000
	Có TK 153	1.250.000

ANSWER: A

Câu 16: (random 1 trong 4 câu)**Câu 16a:**

Công ty M ký hợp đồng thuê văn phòng từ công ty N (hợp đồng bắt đầu từ 1/3/N đến hết ngày 31/8/N, giá thuê 50.000.000 đồng/tháng), tiền thuê được thanh toán 1 lần vào cuối tháng 8/N bằng chuyển khoản. Biết cả 2 công ty đều áp dụng kỳ kế toán tháng. Bút toán điều chỉnh của công ty M tại ngày 31/3/N:

A.	Nợ TK 642	50.000.000
	Có TK 331	50.000.000
B.	Nợ TK 642	50.000.000

	Có TK 242	50.000.000
C.	Nợ TK 131	50.000.000
	Có TK 511	50.000.000
D.	Nợ TK 3387	50.000.000
	Có TK 511	50.000.000

ANSWER: A

Câu 16b:

Công ty M ký hợp đồng thuê văn phòng của công ty N (hợp đồng bắt đầu từ 1/3/N đến hết ngày 31/8/N, giá thuê 50.000.000 đồng/tháng), tiền thuê được thanh toán 1 lần vào cuối tháng 8/N bằng chuyển khoản. Biết cả 2 công ty đều áp dụng kỳ kế toán tháng. Bút toán điều chỉnh của công ty N tại ngày 31/3/N:

A.	Nợ TK 131	50.000.000
	Có TK 511	50.000.000
B.	Nợ TK 642	50.000.000
	Có TK 242	50.000.000
C.	Nợ TK 642	50.000.000
	Có TK 331	50.000.000
D.	Nợ TK 3387	50.000.000
	Có TK 511	50.000.000

ANSWER: A

Câu 16c:

Công ty M ký hợp đồng thuê văn phòng của công ty N (hợp đồng bắt đầu từ 1/10/N đến hết ngày 31/3/N+1, giá thuê 50.000.000 đồng/tháng), tiền thuê được thanh toán 1 lần vào cuối tháng 3/N+1 bằng chuyển khoản. Biết cả 2 công ty đều áp dụng kỳ kế toán năm. Bút toán điều chỉnh của công ty N tại ngày 31/12/N:

A.	Nợ TK 131	150.000.000
	Có TK 511	150.000.000
B.	Nợ TK 642	50.000.000
	Có TK 242	50.000.000

D. Nợ TK 411 70.000.000

Có TK 911 70.000.000

ANSWER: A

Câu 17d:

Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ bằng 290.000.000 đồng, tổng chi phí kinh doanh trong kỳ bằng 220.000.000 đồng. Bút toán khóa sổ TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh” vào cuối kỳ là:

A. Nợ TK 911 70.000.000

Có TK 421 70.000.000

B. Nợ TK 421 70.000.000

Có TK 911 70.000.000

C. Nợ TK 911 70.000.000

Có TK 411 70.000.000

D. Nợ TK 411 70.000.000

Có TK 911 70.000.000

ANSWER: A

Câu 18: (random 1 trong 4 câu)

Câu 18a:

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 1.225.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán: 60.000.000 đồng
- + Chiết khấu thương mại: 12.000.000 đồng
- + Được tặng một thiết bị bán hàng trị giá: 200.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: 60.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

A. Bên Có TK 911 1.413.000.000

B. Bên Có TK 911 1.557.000.000

C. Bên Nợ TK 911 1.413.000.000

D. Bên Nợ TK 911 1.557.000.000

ANSWER: A

Câu 18b:

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 825.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán: 30.000.000 đồng
- + Chiết khấu thương mại: 12.000.000 đồng
- + Được tặng một thiết bị bán hàng trị giá: 150.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: 45.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

A. Bên Có TK 911 978.000.000

B. Bên Có TK 911 1.062.000.000

C. Bên Nợ TK 911 978.000.000

D. Bên Nợ TK 911 1.062.000.000

ANSWER: A

Câu 18c:

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 725.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán: 20.000.000 đồng
- + Chiết khấu thương mại: 25.000.000 đồng
- + Được tặng một thiết bị bán hàng trị giá: 150.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: 50.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

A. Bên Có TK 911 880.000.000

B. Bên Có TK 911 970.000.000

C. Bên Nợ TK 911 880.000.000

D. Bên Nợ TK 911 970.000.000

ANSWER: A

Câu 18d:

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 925.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán: 50.000.000 đồng
- + Chiết khấu thương mại: 25.000.000 đồng
- + Được tặng một thiết bị bán hàng trị giá: 200.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: 85.000.000 đồng

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

A. Bên Có TK 911 1.135.000.000

B. Bên Có TK 911 1.285.000.000

C. Bên Nợ TK 911 1.135.000.000

D. Bên Nợ TK 911 1.285.000.000

ANSWER: A

Câu 19: (random 1 trong 4 câu)

Câu 19a:

Công ty PPT mua một lô hàng hóa gồm 200 sản phẩm với giá mua 250.000 đồng/sản phẩm. Khoản chiết khấu được hưởng do mua số lượng lớn là 1.000.000 đồng. Chi phí vận chuyển lô hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tạm ứng là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

A. 50.500.000 đồng

B. 50.000.000 đồng

C. 51.500.000 đồng

D. 52.500.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19b:

Công ty PPT mua một lô hàng hóa gồm 300 sản phẩm với giá mua 250.000 đồng/sản phẩm. Khoản chiết khấu được hưởng do mua số lượng lớn là 1.000.000 đồng. Chi phí vận chuyển lô hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tạm ứng là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

A. 75.500.000 đồng

- B. 75.000.000 đồng
- C. 77.500.000 đồng
- D. 76.500.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19c:

Công ty PPT mua một lô hàng hóa gồm 250 sản phẩm với giá mua 250.000 đồng/sản phẩm. Khoản chiết khấu được hưởng do mua số lượng lớn là 1.000.000 đồng. Chi phí vận chuyển lô hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tạm ứng là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 63.000.000 đồng
- B. 62.500.000 đồng
- C. 62.000.000 đồng
- D. 65.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 19d:

Công ty PPT mua một lô hàng hóa gồm 150 sản phẩm với giá mua 250.000 đồng/sản phẩm. Khoản chiết khấu được hưởng do mua số lượng lớn là 1.000.000 đồng. Chi phí vận chuyển lô hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tạm ứng là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 38.000.000 đồng
- B. 36.500.000 đồng
- C. 37.500.000 đồng
- D. 40.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20: (random 1 trong 4 câu)

Câu 20a:

Trong năm N, công ty PPT thanh lý một xe tải giao hàng cũ thu ngay được 250.000.000 đồng bằng chuyển khoản, chi phí tân trang trước khi bán là 5.000.000 đồng, chi phí trả cho bên môi giới 10.000.000 đồng. Nghiệp vụ trên sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 711 250.000.000
- B. Bên Có TK 511 250.000.000
- C. Bên Nợ TK 641 15.000.000
- D. Bên Nợ TK 635 10.000.000

ANSWER: A

Câu 20b:

Trong năm N, công ty PPT thanh lý một xe tải giao hàng cũ thu ngay được 250.000.000 đồng bằng chuyển khoản, chi phí tân trang trước khi bán là 5.000.000 đồng, chi phí trả cho bên môi giới 10.000.000 đồng. Nghiệp vụ trên sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 811 15.000.000
- B. Bên Có TK 511 250.000.000
- C. Bên Nợ TK 641 15.000.000
- D. Bên Nợ TK 635 10.000.000

ANSWER: A

Câu 20c:

Trong năm N, công ty PPT thanh lý một xe tải giao hàng cũ thu ngay được 250.000.000 đồng bằng chuyển khoản, chi phí tân trang trước khi bán là 5.000.000 đồng, chi phí trả cho bên môi giới 10.000.000 đồng. Nghiệp vụ trên KHÔNG làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 511 250.000.000
- B. Bên Nợ TK 112 250.000.000
- C. Bên Có TK 711 250.000.000
- D. Bên Nợ TK 811 15.000.000

ANSWER: A

Câu 20d:

Trong năm N, công ty PPT thanh lý một xe tải giao hàng cũ thu ngay được 250.000.000 đồng bằng chuyển khoản, chi phí tân trang trước khi bán là 5.000.000 đồng, chi phí trả cho bên môi giới 10.000.000 đồng. Nghiệp vụ trên KHÔNG làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 641 15.000.000
- B. Bên Nợ TK 112 250.000.000

C. Bên Có TK 711 250.000.000

D. Bên Nợ TK 811 15.000.000

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3.0 điểm) (Random 1 trong 5 câu)

Câu TL1:

Số dư tại ngày 01/03/N của một số tài khoản kế toán công ty TNHH Thương Mại BnB như sau: (ĐVT: đồng)

Hàng hóa 200.000.000 (chi tiết 1.000 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)

Phải trả người lao động 180.000.000 (chi tiết lương tháng 2/N của nhân viên bán hàng chưa thanh toán)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 3 năm N như sau:

- (1) Ngày 2, chuyển khoản thanh toán lương tháng 2 cho nhân viên bán hàng.
- (2) Ngày 10, bán 500 sản phẩm cho công ty Hà Anh với giá bán 360.000 đồng/sản phẩm, thu ngay ½ bằng tiền gửi ngân hàng. Phần còn lại khách hàng hẹn sẽ thanh toán vào cuối tháng này.
- (3) Ngày 12, chi tiền mặt mua một số dụng cụ văn phòng trị giá 2.000.000 đồng sử dụng ngay tại phòng Nhân sự tháng này.
- (4) Ngày 30, nhận được hóa đơn tiền điện tại cửa hàng chưa thanh toán với số tiền phát sinh 3.000.000 đồng.
- (5) Ngày 31, công ty Hà Anh chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng còn nợ.

ĐÁP ÁN:

- | | | |
|---------------|-------------|-------------------|
| (1) NỢ TK 334 | 180.000.000 | <i>(0.5 điểm)</i> |
| CÓ TK 112 | 180.000.000 | |
| (2) NỢ TK 112 | 90.000.000 | |
| NỢ TK 131 | 90.000.000 | |
| CÓ TK 511 | 180.000.000 | <i>(0.5 điểm)</i> |
| NỢ TK 632 | 100.000.000 | |
| CÓ TK 156 | 100.000.000 | <i>(0.5 điểm)</i> |
| (3) NỢ TK 642 | 2.000.000 | |
| CÓ TK 111 | 2.000.000 | <i>(0.5 điểm)</i> |
| (4) NỢ TK 641 | 3.000.000 | |

CÓ TK 331	3.000.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 112	90.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 131	90.000.000	

Câu TL2:

Số dư tại ngày 01/03/N của một số tài khoản kế toán công ty TNHH Thương Mại BnB như sau: (ĐVT: đồng)

Hàng hóa 200.000.000 (chi tiết 1.000 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)

Phải trả người lao động 120.000.000 (chi tiết lương tháng 2/N của nhân viên bán hàng chưa thanh toán)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 3 năm N như sau:

(1) Ngày 2, bán 400 sản phẩm cho công ty Hà Anh với giá bán 360.000 đồng/sản phẩm, thu ngay ½ bằng tiền gửi ngân hàng. Phần còn lại khách hàng hẹn sẽ thanh toán vào cuối tháng này.

(2) Ngày 10, chuyển khoản thanh toán lương tháng 2 cho nhân viên bán hàng. (3) Ngày 12, chi tiền mặt mua công cụ trị giá 1.000.000 đồng sử dụng ngay tại cửa hàng tháng này.

(4) Ngày 30, nhận được hóa đơn tiền điện tại cửa hàng với số tiền phát sinh 3.000.000 đồng, công ty chi tiền mặt thanh toán ngay.

(5) Ngày 31, công ty Hà Anh chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng còn nợ.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 112	72.000.000	
NỢ TK 131	72.000.000	
CÓ TK 511	144.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	80.000.000	
CÓ TK 156	80.000.000	(0.5 điểm)
(2) NỢ TK 334	120.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 112	120.000.000	
(3) NỢ TK 641	1.000.000	
CÓ TK 111	1.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 641	3.000.000	
CÓ TK 111	3.000.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 112	72.000.000	(0.5 điểm)

Số dư tại ngày 01/03/N của một số tài khoản kế toán công ty TNHH Thương Mại BnB như sau: (ĐVT: đồng)

Hàng hóa 200.000.000 (chi tiết 1.000 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)

Phải trả người lao động 150.000.000 (chi tiết lương tháng 2/N của nhân viên bán hàng chưa thanh toán)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 3 năm N như sau:

- (1) Ngày 2, mua công cụ nhập kho trị giá 3.000.000 đồng chưa thanh toán.
- (2) Ngày 12, chuyển khoản thanh toán lương tháng 2 cho nhân viên bán hàng.
- (3) Ngày 20, bán 200 sản phẩm cho công ty Hà Anh với giá bán 360.000 đồng/sản phẩm, thu ngay ½ bằng tiền gửi ngân hàng. Phần còn lại khách hàng hẹn sẽ thanh toán vào cuối tháng này.
- (4) Ngày 30, nhận được hóa đơn tiền điện tại cửa hàng với số tiền phát sinh 1.500.000 đồng, công ty chi tiền mặt thanh toán ngay.
- (5) Ngày 31, công ty Hà Anh chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng còn nợ.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 153	3.000.000	
CÓ TK 331	3.000.000	(0.5 điểm)
(2) NỢ TK 334	150.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 112	150.000.000	
(3) NỢ TK 112	36.000.000	
NỢ TK 131	36.000.000	
CÓ TK 511	72.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	40.000.000	
CÓ TK 156	40.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 641	1.500.000	
CÓ TK 111	1.500.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 112	36.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 131	36.000.000	

Câu TL5:

Số dư tại ngày 01/03/N của một số tài khoản kế toán công ty TNHH Thương Mại BnB như sau: (ĐVT: đồng)

Hàng hóa 200.000.000 (chi tiết 1.000 sản phẩm x 200.000 đồng/sản phẩm)

Phải trả người lao động 130.000.000 (chi tiết lương tháng 2/N của nhân viên bán hàng chưa thanh toán)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 3 năm N như sau:

- (1) Ngày 2, mua nguyên vật liệu nhập kho trị giá 5.000.000 đồng chưa thanh toán.
- (2) Ngày 12, chuyển khoản thanh toán lương tháng 2 cho nhân viên bán hàng.
- (3) Ngày 20, bán 700 sản phẩm cho công ty Hà Anh với giá bán 360.000 đồng/sản phẩm, thu ngay ½ bằng tiền gửi ngân hàng. Phần còn lại khách hàng hẹn sẽ thanh toán vào cuối tháng này.
- (4) Ngày 30, nhận được hóa đơn Internet tại văn phòng với số tiền phát sinh 1.500.000 đồng, tiền chưa thanh toán.
- (5) Ngày 31, công ty Hà Anh chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng còn nợ.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 152	5.000.000	
CÓ TK 331	5.000.000	(0.5 điểm)
(2) NỢ TK 334	130.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 112	130.000.000	
(3) NỢ TK 112	126.000.000	
NỢ TK 131	126.000.000	
CÓ TK 511	252.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	140.000.000	
CÓ TK 156	140.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 642	1.500.000	
CÓ TK 331	1.500.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 112	126.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 131	126.000.000	

Ngày biên soạn: 22/10/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

Ngày kiểm duyệt:

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: ThS. Phan Minh Nguyệt

- Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhật Linh (**0918.01.03.09**).
- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.